Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 6804.23.00

Mã HS	6804.23.00
Mô tả hàng hóa	Đá nghiền, đá mài, đá mài dạng hình tròn và tương tự, không có cốt, dùng để nghiền, mài, đánh bóng, giũa hoặc cắt, đá mài hoặc đá đánh bóng bằng tay, và các phần của chúng, bằng đá tự nhiên, bằng các vật liệu mài tự nhiên hoặc nhân tạo đã được kết khối, hoặc bằng gốm, có hoặc không kèm theo các bộ phận bằng các vật liệu khác / - Đá nghiền, đá mài khác, đá mài dạng hình tròn và dạng tương tự: / - - Bằng đá tự nhiên
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 20:36:39
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/68042300/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10175
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10175
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10175
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9669
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9620
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9620
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9620
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9620
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9620
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9620
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9672
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9672
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9672
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9672

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9672
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9672
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9673
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9673
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9673
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9673
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9673
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9673
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9674
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9626
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9632
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9632
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9632
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9632
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9632
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9632
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9657
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9657
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9657
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9657
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9657
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9657
VCFTA	2022	2022	5	VC!D9704
VCFTA	2023	2023	5	VC!E9704
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9704
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9704

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9704
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9704
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9683
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9683
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9683
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9683
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9683
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9683
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D9695
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E9695
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F9695
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G9695
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H9695
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9695
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D9706
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E9706
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F9706
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9706
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9706
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9706
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D9705
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E9705
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F9705
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9705
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9705
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9705

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9652
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9652
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9652
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9652
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9652
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9652
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9652
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9689
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9689
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9689
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9689
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9689
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9689
RCEP B	2022	2022	0	B!D9689
RCEP B	2023	2023	0	B!E9689
RCEP B	2024	2024	0	B!F9689
RCEP B	2025	2025	0	B!G9689
RCEP B	2026	2026	0	B!H9689
RCEP B	2027	2027	0	B!I9689
RCEP C	2022	2022	0	C!D9689
RCEP C	2023	2023	0	C!E9689
RCEP C	2024	2024	0	C!F9689
RCEP C	2025	2025	0	C!G9689
RCEP C	2026	2026	0	C!H9689
RCEP C	2027	2027	0	C!I9689
RCEP D	2022	2022	0	D!D9688

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E9688
RCEP D	2024	2024	0	D!F9688
RCEP D	2025	2025	0	D!G9688
RCEP D	2026	2026	0	D!H9688
RCEP D	2027	2027	0	D!I9688
RCEP E	2022	2022	0	E!D9692
RCEP E	2023	2023	0	E!E9692
RCEP E	2024	2024	0	E!F9692
RCEP E	2025	2025	0	E!G9692
RCEP E	2026	2026	0	E!H9692
RCEP E	2027	2027	0	E!I9692
RCEP F	2022	2022	0	F!D9689
RCEP F	2023	2023	0	F!E9689
RCEP F	2024	2024	0	F!F9689
RCEP F	2025	2025	0	F!G9689
RCEP F	2026	2026	0	F!H9689
RCEP F	2027	2027	0	F!I9689
VIFTA	2024	2024	17.1	VI!F8965
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G8965
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H8965
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I8965

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6804.23.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 6804.23.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10175), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.